

Bản án số: 40/2019/HS - ST.
Ngày: 25-6-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ram;

Ông Lại Văn Phê.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hạnh -Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Phạm Thanh Giúp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử **sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:**

1. Lê Minh T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp GL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng M và bà Lê Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27-10-2018, tạm giam ngày 06-11-2018 đến nay; bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Khánh H, sinh năm 1995, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Long H và bà Nguyễn Thị Mỹ A; có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc S; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27-10-2018, tạm giam ngày 06-11-2018 đến nay; bị cáo có mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ngọc S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19-10-2018, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh có Công văn số 06/BHXXH chuyển 22 giấy ra viện do Trung tâm y tế huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp có dấu hiệu làm

giả đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh để xác minh làm rõ. Lúc 17 giờ 30 phút ngày 27-10-2018, tại khu vực tổ 17, khu phố A, thị trấn TB, huyện B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Minh T. Khám xét khẩn cấp T và các nơi ở của T thu giữ: 260 mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có thông tin người khám (trong đó có 255 mẫu giấy đã đóng dấu tròn của Bệnh viện Đa khoa khu vực H); 80 mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe có chữ ký của bác sĩ, không có thông tin người khám; 449 mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có thông tin người khám (trong đó 444 mẫu giấy đã đóng dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B); 57 mẫu giấy khám sức khỏe không có thông tin người khám; 08 mẫu giấy ra viện có dấu mộc Khoa khám bệnh, Trung tâm y tế huyện B; 60 mẫu giấy ra viện không có thông tin người ra viện; 47 túi đựng hồ sơ, bìa có ghi hồ sơ lái xe, Trường cao đẳng S Thành phố Hồ Chí Minh - Giảng viên Lê Minh T; 40 mẫu phiếu chiếu/chụp X quang không có thông tin; 76 mẫu phiếu chiếu/chụp X quang và mẫu giấy siêu âm tổng quát không có thông tin người khám; 60 mẫu kết quả xét nghiệm và kết quả xét nghiệm huyết học; 01 quyển sổ có dán ảnh và ghi thông tin nhiều người, 35 dấu mộc các loại, 03 điện thoại di động các loại (01 hiệu Nokia, 01 hiệu Samsung Galaxy J7, 01 hiệu Samsung Galaxy A7) 01 máy vi tính xách tay YAMAHA; 43 tài liệu in từ máy tính, điện thoại A7 và địa chỉ Gmail; Tiền Việt Nam 24.500.000 đồng (trong đó có 9.970.000 đồng là tiền của bà Lê Thị B) và một số vật chứng liên quan. Ngoài ra còn thu giữ 05 bịch ny long màu trắng, 72 vật hình trụ tròn đường kính 01- 03 cm, dài 10- 25 cm (nghĩ là pháo bông).

Đến 18 giờ cùng ngày, tại nhà của Nguyễn Khánh H ngụ ấp AP, xã AH, huyện TB, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với H và khám xét khẩn cấp nơi ở đã thu giữ: 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe không có thông tin người khám; 02 mẫu giấy ra viện, có chữ ký bác sĩ và đóng dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B; 07 mẫu giấy khám sức khỏe đã đóng dấu khoa khám bệnh của Trung tâm y tế B; 02 sổ khám bệnh tên Nguyễn Thị Yên N và Huỳnh Xuân Q; 100 phiếu xét nghiệm huyết học và nước tiểu không có thông tin người xét nghiệm và chữ ký bác sĩ; 02 mẫu phiếu siêu âm tổng quát có chữ ký của bác sĩ; 18 bộ kết quả xét nghiệm mỗi bộ có 03 tờ; 01 bộ kết quả xét nghiệm mang tên Nguyễn Văn Đ (có 03 tờ kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu, huyết học có chữ ký của bác sĩ và đã đóng dấu Trung tâm y tế huyện B); 06 bộ hồ sơ mỗi bộ 02 tờ phiếu chụp X quang và phiếu siêu âm có chữ ký của bác sĩ và đã đóng dấu khoa khám bệnh Trung tâm y tế huyện B; 02 giấy siêu âm tổng quát có chữ ký bác sĩ và một số vật chứng liên quan để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra thể hiện: Vào khoảng tháng 10/2016, Lê Minh T nảy sinh ý định làm giả giấy khám sức khỏe, giấy ra viện bán cho những người có nhu cầu sử dụng làm hồ sơ xin việc, làm hồ sơ thi sát hạch lái xe và sử dụng giấy ra viện để xin nghỉ việc nhằm thu lợi bất chính. T gặp người tên Nhí (không rõ địa chỉ) hỏi thăm tìm người làm giả con dấu, được Nhí dẫn đến gặp người tên Vinh (không rõ địa chỉ) gần khu vực ngã tư An Sương để làm con dấu giả. T đã thuê Vinh làm giả 03 con dấu tròn, gồm: 01 của Trung tâm y tế huyện B, 01 của Bệnh viện Đa khoa khu vực H, 01 của Sở Giao thông Vận tải M; Làm 29 con dấu chức danh, tên bác sĩ khám, khoa khám bệnh và các con dấu khác gồm: 01 con dấu BS.CKI Nguyễn Văn T, 01 con dấu BS.CKII Hoàng Văn H, 01 con dấu XNV. Mai Quốc H1, 01 con dấu BS.CKII Lê Thị P, 01 con dấu BS.CKII Trần Thị Ph, 01 con dấu BS.CKII Lê Khánh C, 01 con dấu BS. CKI Đỗ Kim N, 01 con dấu Lê Hoàng M, 01 con dấu GD: Nguyễn Thị Thu H2, 01 con dấu BS. Nguyễn Văn C1, 01 con dấu KTV Đào Kim C2, 01 con dấu Bs Trần Thanh D, 01 con dấu Bs Hoàng Công Th, 01 con dấu BS Hà Văn H3, 01 con dấu CN. Cao Thành Đ, 01 con dấu BS Trần Tuấn K, 01 con dấu Bs. Bùi Thị Minh V, 01 con dấu BS. Nguyễn Thành N, 01 con dấu BS. Nguyễn Thị H4, 01 con dấu BS. Trần Văn L, 01 con dấu BS. Hà Mạnh L, 01 con dấu BS. Hồ Thị N, 01 con dấu Quốc P, 01 con dấu (-) NEGATIVE, 01 con dấu Trung tâm y tế TB - Khoa khám bệnh, 01 con dấu Bệnh viện Đa khoa khu vực HM - Khoa khám bệnh, 01 con dấu KT. GIÁM ĐỐC - PHÓ GIÁM ĐỐC, 01 con dấu Sao y bản chính - Ngày tháng năm, 01 con dấu Trường Cao đẳng S - TPHCM - Bộ phận tuyển sinh & Đào tạo - ĐT 01672175155. Ngoài ra trong quá trình thu gom rác T nhặt được 03 con dấu khác, gồm: 01 con dấu Nhà hàng ẩm thực P; 01 con dấu Công ty TNHH P1; 01 con dấu doanh nghiệp tư nhân thương mại P2; 03 giấy chứng minh nhân dân (tên Võ Minh Đ, tên Nguyễn Ngọc S và tên Thạch Tô P); 04 giấy phép lái xe (tên Nguyễn Thanh C hạng A1, tên Nguyễn Văn T hạng A1, tên Nguyễn Văn Th hạng A1 và B2); 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (biển số 51U5-3458, 51N-8660, 59G1- 038.23 và 59G1-640.28).

Sau khi làm xong các mẫu dấu trên, T dùng máy tính cá nhân soạn các mẫu giấy tờ, gồm: giấy khám sức khỏe, giấy ra viện, giấy khám sức khỏe của người lái xe, phiếu chụp X quang, giấy siêu âm tổng quát, kết quả xét nghiệm, kết quả xét nghiệm huyết học nhưng không có thông tin cá nhân rồi mang đến cửa hàng đánh máy, photo của anh Nguyễn Thanh X tại khu phố LT, thị trấn TB, huyện TB photo các mẫu giấy tờ trên. T đến các khu công nghiệp trên địa bàn huyện B để quảng cáo, tiếp thị làm giấy khám sức khỏe, giấy ra viện cho những người có nhu cầu sử dụng. Đồng thời T nhận làm hồ sơ đăng ký thi, đổi, cấp lại giấy phép lái xe mô tô của người khác đến nộp hồ sơ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn đào tạo lái xe TĐ (nay là

TĐTN) tại khu phố LA, thị trấn TB, huyện TB và Trung tâm đào tạo lái xe thuộc Trường Cao đẳng S Thành phố Hồ Chí Minh tại số 8, Nguyễn Ảnh Thủ, phường TMT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến khi bị bắt giữ, T đã làm giả các tài liệu gồm: 255 mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có thông tin người khám đã đóng dấu tròn của Bệnh viện Đa khoa khu vực H; 444 mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có thông tin người khám đã đóng dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B; 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe (không có thông tin người khám), có đóng dấu của Trung tâm y tế huyện B; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe tên Nguyễn Phương Đ đã đóng dấu của Trung tâm y tế huyện B; 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (trong đó có tên Nguyễn Minh L và 01 biên bản không có thông tin người lái) đã đóng dấu Sở Giao thông vận tải M; 02 mẫu giấy ra viện không có thông tin người ra viện, có chữ ký bác sĩ và đã đóng dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B (thu tại nơi ở của H); 01 giấy khám sức khỏe xin việc làm tên Trần Phạm Minh K có chữ ký bác sĩ và đã đóng dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B và 06 giấy ra viện đã đóng dấu Trung tâm y tế huyện B ra viện vào các ngày 04-10-2017, 11-11-2017 (02 giấy), 02-12-2017, 13-01-2018 và ngày 25/01/2018 (trong số 22 giấy ra viện do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh chuyển đến).

Vào khoảng tháng 4/2017, Nguyễn Khánh H có nhờ T làm giấy khám sức khỏe cho H để làm hồ sơ xin việc làm nên H quen biết với T. Sau đó, T đưa cho H các giấy tờ giả để giao cho khách hàng của T, T nhờ H đến tiệm pho tô của anh X mượn máy vi tính đánh thông tin người bệnh và giấy ra viện in ra đưa cho T để T đóng dấu bán cho khách hàng. Ngoài ra T còn nhờ Huỳnh Văn Đ và Tạ Thị Kiều D gửi 08 giấy tờ giả (trong đó Đ 06 giấy, D 02 giấy) được bỏ trong bì thư dán keo lại, bên ngoài có ghi số điện thoại giao cho khách hàng của T, anh Đ chị D không biết nên đã nhận giao. Đến tháng 5/2018, T rủ H cùng nhau làm giấy tờ giả để bán cho những người có nhu cầu để lấy tiền tiêu xài. Sau đó T, H bàn bạc, thống nhất với nhau, H giữ con dấu tròn của Trung tâm y tế huyện B và một số mẫu giấy giả do T làm; T giữ 02 con dấu tròn (của Bệnh viện Đa khoa khu vực H và Sở Giao thông Vận tải M), các con dấu tên bác sĩ, khoa khám bệnh và các con dấu khác để sử dụng. T và H thỏa thuận khi có người mua giấy giả thì cả hai liên lạc với nhau để làm giấy giả giao cho người mua, đến cuối tuần sẽ tập hợp lại chia đôi số tiền thu được. Trong thời gian làm giả, H có nhờ Nguyễn Thị Ngọc S (vợ H) đi giao giấy giả 02 lần và S cùng H đi giao 02 lần; trong 04 lần đi giao, giấy giả được bỏ trong bì thư, dán keo lại nên S không biết và chấp nhận đi giao.

Tại Cơ quan điều tra, T và H khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến khi bị bắt, T và H đã làm giả và thu lợi bất chính cụ thể như sau: Làm giả

khoảng 130 Giấy ra viện để bán cho người có nhu cầu với giá tiền từ 30.000 đồng đến 150.000 đồng/01 giấy (trong đó có 22 giấy ra viện do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh phát hiện chuyển đến); Làm giả khoảng 430 giấy khám sức khỏe cho những người công nhân xin việc làm tại các khu công nghiệp địa bàn huyện B và các địa phương lân cận với giá tiền từ 200.000 đồng đến 220.000 đồng/ 01 giấy (H giúp sức làm 30 đến 40 giấy giả). Làm giả khoảng 200 giấy khám sức khỏe (H giúp sức 200 giấy giả) của người lái xe với giá tiền 40.000 đồng/01 tờ, giao cho vợ ông Phạm Vũ C và bà Nguyễn Thị H là nhân viên trường dạy lái xe TĐ (nay là TĐTN); Làm giả khoảng 800 giấy khám sức khỏe của người lái xe với giá tiền 15.000 đồng/01 tờ, giao cho ông Nguyễn Minh H nhân viên tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm đào tạo lái xe thuộc Trường Cao đẳng S thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Nguyễn Minh H không thừa nhận việc có nhận 800 giấy khám sức khỏe của T; Phạm Vũ C và Nguyễn Thị H không thừa nhận có nhận 200 giấy khám sức khỏe của T và H Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

* Tại Kết luận giám định số 1441/KL-KTHS ngày 05-11-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: 05 bịch nilon màu trắng, bên trong mỗi bịch có chứa tinh thể màu trắng, khối lượng 41,2197 gam không phải là chất ma túy.

* Tại Kết luận giám định số 1405/KL-KTHS ngày 09-11-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: 22 giấy ra viện mà Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh giao trên là giấy giả.

* Tại Kết luận giám định số 02/KL-KTHS ngày 13-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

+ Hình dấu trên 255 tài liệu cần giám định (ký hiệu A01 đến A255) với hình dấu của con dấu Bệnh viện Đa khoa khu vực H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu trên 449 tài liệu cần giám định (ký hiệu A256 đến A260 và A271 đến A712) với hình dấu của Trung tâm y tế huyện B trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M02) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu trên 02 tài liệu cần giám định (ký hiệu A713 và A714) với hình dấu của Sở Giao thông Vận tải M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M03) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Khánh H về tội “Làm giả

tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a **khoản 3** Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a **khoản 3** Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bổ sung bị cáo H số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Trong thời gian bị bắt tạm giữ, các bị cáo rất hối hận về hành vi của các bị cáo. Mong Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Nhằm thu lợi bất chính, bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Khánh H cấu kết cùng nhau làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để bán lại cho người khác. Từ tháng 10/2016 đến tháng 10/2018, bị cáo T thuê người làm giả 03 con dấu tròn và 29 con dấu chức danh các loại để trực tiếp và cùng H sử dụng làm giả 728 tài liệu của Trung tâm y tế huyện B, tỉnh Tây Ninh, Bệnh viện đa khoa khu vực H, Sở Giao thông vận tải M và Trường Cao đẳng S Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó H giúp sức cho T làm giả 18 tài liệu thì bị phát hiện bắt giữ.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Minh T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Khánh H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng, bị cáo T là người chủ mưu, rủ rê bị cáo H cùng tham gia thực hiện việc làm giả tài liệu. Bị cáo T cũng là người trực tiếp làm “dấu giả”, liên hệ những người cần mua giấy ra viện và giấy khám sức khỏe giả của các bị cáo. Do đó, bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự chính và cao hơn bị cáo H. Khi được bị cáo T rủ làm giấy tờ giả để bán, mặc dù bị cáo H nhận thức được hành vi sai trái nhưng vẫn đồng ý và cùng thực hiện với bị cáo T. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò giúp sức.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường đúng đắn của các cơ quan Nhà nước nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Khi quyết định hình phạt có cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H là bộ đội phục viên, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo có thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên cần phạt bổ sung các bị cáo số tiền nhất định để nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đối với Nguyễn Minh H, Phạm Vũ C, Nguyễn Thị H, kết quả điều tra xác minh chưa đủ cơ sở để xác định vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Thanh X nhận pho to và soạn thảo các biểu mẫu tài liệu cho T và H nhưng do X không biết mục đích để làm gì nên không xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc S, Huỳnh Văn Đ và Tạ Thị Kiều D có đi giao giấy tờ giả nhưng không biết là giấy giả nên không xử lý.

Riêng 22 giấy ra viện do 17 người đã thuê T và H làm giả, trong đó: 11 người, Cơ quan điều tra đã đề nghị xử lý hành chính về việc có hành vi “kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa những nội dung có liên quan đến việc hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc; bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất

nghiệp” quy định tại: Điểm 1, Khoản 20, Điều 1, Nghị định 88/2015/NĐ-CP ngày 07-10-2015 của Chính phủ; 06 người hiện tại không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với 27 cá nhân có tên trong quyển sổ thu được khi khám xét nhà T, trong đó: 17 người khai nhận trước đây có thuê T làm giấy khám sức khỏe để xin việc làm nhưng sau đó chưa sử dụng, hiện nay không còn lưu giữ các loại giấy tờ trên, 03 người khai nhận là không có thuê T làm giấy, 07 người không có địa chỉ thực tế ở địa phương, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

Đối với người tên Nhí và tên Vinh mà T khai đã làm giả con dấu cho T, hiện không rõ địa chỉ và chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 35 dấu mộc các loại qua giám định là dấu giả cần tịch thu tiêu hủy.
- Đối với 04 điện thoại di động; 02 USB; 01 máy vi tính, 01 xe máy và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe là của các bị cáo thừa nhận dùng làm công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 hồ sơ lái xe B2, hồ sơ lái xe A1, 01 hộ chiếu, 01 chứng minh nhân dân, 03 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Minh T cần tuyên trả lại bị cáo.

- Đối với 03 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Minh Đ, Nguyễn Ngọc S và Thạc Tô P; 04 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th; 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phương Thị Phương T, Nguyễn Thị Lê M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Ngọc S; 01 thẻ Agribank; 01 thẻ ACB; 05 bìch nylon màu trắng không liên quan đến vụ án nhưng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 14.530.000 đồng thu của bị cáo T cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 27-10-2018.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh H 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 27-10-2018.

3. Căn cứ vào khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bổ sung bị cáo T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Xử phạt bổ sung bị cáo H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imei 358637044710694; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số imei 353236071549938 và 353237071549936; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 (2016) số imei 356825071746721 và 3568500717446729; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei 3558390952990006; 01 máy vi tính xách tay hiệu ASUS X541U, số Serial H9N0CV07726437F; 01 xe gắn máy hiệu YAMAHA, biển số 70F1-11000, số khung: CE55P10BY066958, số máy: 55P1066971 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 70F1-11000; 02 USB.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 35 con dấu các loại; 05 bịch nylon màu trắng, bên trong mỗi bịch có chứa tinh thể màu trắng; 03 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Minh Đ, Nguyễn Ngọc S và Thạc Tô P; 04 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh C, sinh năm 1983, hạng A1 (cắt góc), Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, hạng A1, Nguyễn Văn Th, sinh năm 1979 (hạng A1 và B2; 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 51U5-3458 mang tên Phương Thị Phương T, số 51N1-8660 tên Nguyễn Thị Lê M, số 59G1-038.23 tên Nguyễn Văn Th, số 59G1-640.28 tên Nguyễn Ngọc S; 01 thẻ Agribank, số 9704-0507-1343-9797; 01 thẻ ACB, số 9704-1620-0202-5649 (bị gãy).

Tuyên trả lại bị cáo T: 01 hồ sơ lái xe B2 mang tên Lê Minh T (gồm 08 tờ), 01 hồ sơ lái xe A1 mang tên Lê Minh T, 01 hộ chiếu số C3522883 mang tên Lê Minh T, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh T, 03 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Minh T hạng A1, B2 và A1 –B2 số 720117001843 (cùng 01 số) và 01 giấy hạng A1 số AS 928725 bị cắt góc.

Tạm giữ số tiền 14.530.000 (mười bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng để đảm bảo việc thi hành án

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm